

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 330/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông Đồng Trọng N, nơi cư trú: tổ 9 ấp X, xã H, thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà Nguyễn Thị Duy T, nơi cư trú: tổ 7 ấp 2 T, xã B, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng ông Đồng Trọng N và bà Nguyễn Thị Duy T trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đồng Trọng N và bà Nguyễn Thị Duy T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 01/12/2021 của UBND xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Nay là xã Bàu Lâm, thành phố Hồ Chí Minh). Đến nay ông N và bà T đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thực sự tự nguyện ly hôn, nên Tòa án chấp nhận.

[2] Ông N và bà T đã thỏa thuận được với nhau về con chung, tài sản chung, nợ chung, N vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đồng Trọng N và bà Nguyễn Thị Duy T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đồng Trọng N và Bà Nguyễn Thị Duy T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Duy T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đồng Trung K.

Ông Đồng Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, N vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Ông N bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông N bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Ông N, bà T thỏa thuận bà T là người nộp lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0031498 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh; Bà T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 14, TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND xã Bàu Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

THẨM PHÁN

Châu Nguyễn Xuân Thu